

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HOÀI ĐỨC
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 61/2022/DS-ST
Ngày: 31/5/2022
V/v: Tranh chấp hợp đồng
dân sự.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOÀI ĐỨC – THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Lan Anh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Vũ Nguyên Lâm

2. Ông Trần Mạnh Khang

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Sinh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoài Đức tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Việt – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hoài Đức xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 128/2021/TLST-DS ngày 22 tháng 11 năm 2021 về việc: Đòi tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2022/QĐXX-ST ngày 25/4/2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 37/2022/HPT-ST ngày 12/5/2022, giữa:

1. Nguyên đơn: **Ông Nguyễn Hưng H** – Sinh năm: 1970; Hộ khẩu thường trú: Thôn Thanh Quang, xã An Thượng, huyện Hoài Đức, Hà Nội. *(Có mặt)*

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Hải: Ông Nguyễn Thế T và ông Nguyễn Thanh Đ – Luật sư Công ty luật TNHH TDL. *(Ông T vắng mặt, ông Đ có mặt).*

2. Bị đơn: Ông **Nguyễn Gia M** – Sinh năm: 1968; Trú tại: Thôn Ngãi Cầu, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, Hà Nội. *(Vắng mặt)*

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà **Nguyễn Thị H** – Sinh năm: 1967; Trú tại: Thôn Ngãi Cầu, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, Hà Nội. *(Vắng mặt).*

Bà **Lê Thị H** – Sinh năm: 1971; Trú tại: Thôn Thanh Quang, xã An Thượng, huyện Hoài Đức, Hà Nội. *(Vắng mặt).*

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại Đơn khởi kiện ngày 06/11/2021, đơn khởi kiện bổ sung ngày 30/11/2021, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn – ông Nguyễn Hưng H trình bày:

Ông đề nghị Tòa án giải quyết: buộc ông Nguyễn Gia M và bà Nguyễn Thị H trả cho ông số tiền 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng) theo Biên bản thỏa thuận ngày 30/10/2020 giữa ông Nguyễn Hưng H và ông Nguyễn Gia M.

Lý do khởi kiện: Vào tháng 9 năm 2019 (âm lịch) gia đình ông M khởi công xây dựng nhà ở tại địa chỉ số nhà 851A, thôn Ngải Cầu, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội (nhà 03 tầng, 01 tum). Ông M có thỏa thuận thuê ông để thi công xây dựng nhà. Hai bên thỏa thuận tổng giá trị thi công toàn bộ công trình là 508.000.000đ (Năm trăm linh tám triệu đồng). Việc thỏa thuận thi công xây dựng hai bên chỉ thỏa thuận miệng, không lập văn bản hay hợp đồng gì, không có hồ sơ kỹ thuật và không có bản vẽ thiết kế nhà. Khi thi công chỉ thực hiện theo mô tả miệng với nhau.

Quá trình thực hiện thi công, khoảng tháng 6/2020 ông đã hoàn thiện công trình và bàn giao cho vợ chồng ông M sử dụng. Phía ông M cũng đã thanh toán cho ông số tiền là 344.000.000đ (Ba trăm bốn mươi bốn triệu đồng). Số tiền ông M chưa thanh toán cho ông là 164.000.000đ (Một trăm sáu mươi tư triệu đồng). Khi bàn giao nhà hai bên cũng không lập biên bản bàn giao hay nghiệm thu gì cả.

Sau khi thỏa thuận hai bên thống nhất lập “Biên bản thỏa thuận” ngày 30/10/2020 trong đó có nội dung: ông M chỉ phải thanh toán số tiền còn thiếu cho ông là 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng), số tiền còn lại 64.000.000đ (Sáu mươi tư triệu đồng) ông sẽ để lại để phía gia đình ông M tự thực hiện việc sửa chữa khắc phục một số lỗi kỹ thuật trong khi xây dựng thi công nhà. Thời gian thanh toán số tiền trên chậm nhất là ngày 01/3/2021. Ông thừa nhận toàn bộ nội dung trong biên bản thỏa thuận là đúng và chữ ký và chữ viết Nguyễn Hưng H dưới mục “BÊN B” là đúng chữ ký của ông.

Về ý kiến của ông M trình bày lý do ông không trả tiền thì ông không đồng ý, vì trong Biên bản thỏa thuận ngày 30/10/2020, hai bên đã thống nhất do có một số lỗi kỹ thuật nên ông đồng ý bớt số tiền 64.000.000đ (Sáu mươi tư triệu đồng) tiền công để ông M tự sửa chữa nên đến nay ông không phải chịu trách nhiệm hay nghĩa vụ gì đối với các lỗi của công trình nhà ông M nữa. Đề nghị vợ chồng ông M và bà H phải thanh toán cho ông số tiền 100.000.000đ theo đúng Biên bản thỏa thuận ngày 30/10/2020.

Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn – ông Nguyễn Gia M trình bày:

Vào tháng 9 năm 2019 (âm lịch) gia đình ông khởi công xây dựng nhà ở tại địa chỉ số nhà 851A, thôn Ngải Cầu, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội (nhà 03 tầng, 01 tum, diện tích sàn xây dựng là bao nhiêu ông không nhớ). Ông có thỏa

thuận thuê ông Nguyễn Hưng H, sinh năm 1970 địa chỉ tại thôn Thanh Quang, xã An Thượng, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội để thi công xây dựng nhà. Hai bên thỏa thuận tổng giá trị thi công toàn bộ công trình là 508.000.000đ (Năm trăm linh tám triệu đồng). Việc thỏa thuận thi công xây dựng hai bên chỉ thỏa thuận miệng, không lập văn bản hay hợp đồng gì, không có hồ sơ kỹ thuật và không có bản vẽ thiết kế nhà. Khi thi công chỉ thực hiện theo mô tả miệng với nhau.

Quá trình thực hiện thi công, khoảng tháng 6/2020 ông H đã hoàn thiện công trình và bàn giao cho bên ông sử dụng. Phía ông cũng đã thanh toán cho ông Hải số tiền là 344.000.000đ (Ba trăm bốn mươi bốn triệu đồng). Số tiền ông chưa thanh toán cho ông H là 164.000.000đ (Một trăm sáu mươi tư triệu đồng). Khi bàn giao nhà hai bên cũng không lập biên bản bàn giao hay nghiệm thu gì cả.

Sau khi thỏa thuận hai bên thống nhất lập “Biên bản thỏa thuận” ngày 30/10/2020 trong đó có nội dung: ông chỉ phải thanh toán số tiền còn thiếu cho ông H là 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng), số tiền còn lại 64.000.000đ (Sáu mươi tư triệu đồng) ông H sẽ để lại để phía gia đình ông tự thực hiện việc sửa chữa khắc phục một số lỗi kỹ thuật trong khi xây dựng thi công nhà. Thời gian thanh toán số tiền trên chậm nhất là ngày 01/3/2021. Ông thừa nhận toàn bộ nội dung trong biên bản thỏa thuận là đúng và chữ ký và chữ viết Nguyễn Gia M dưới mục “BÊN A” là đúng chữ ký của ông.

Từ ngày lập “Biên bản thỏa thuận” cho đến nay ông vẫn chưa thanh toán số tiền 100.000.000đ cho ông H, lý do:

- Công trình nhà của ông bị rạn nứt trần nhà, cầu thang méo, nhà bị méo. Ông có yêu cầu ông H đến để kiểm tra, khắc phục, sau khi khắc phục xong thì ông sẽ thanh toán số tiền trên cho ông H. Ông H có hứa miệng với ông là sẽ đến để khắc phục toàn bộ lỗi trên nhưng đến nay ông H cũng không thực hiện.

- Do gia đình ông H đăng tin bài trên mạng facebook nói xấu gia đình ông về việc ông không trả tiền, điều này đã làm ảnh hưởng đến danh dự và uy tín của gia đình ông;

Nay ông H khởi kiện yêu cầu ông phải trả số tiền 100.000.000đ theo Biên bản thỏa thuận ngày 30/10/2020 thì ông không đồng ý, ông đề nghị Tòa án xem xét, thẩm định lại toàn bộ công trình xây dựng nhà của ông và buộc ông H phải khắc phục, sửa chữa toàn bộ những sai sót. Sau khi khắc phục, sửa chữa xong ông sẽ thanh toán cho ông H toàn bộ số tiền 164.000.000đ.

Tại lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan – bà Lê Thị H trình bày:

Bà đồng ý với ông Nguyễn Hưng H trong việc giải quyết vụ án ông H khởi kiện ông Nguyễn Gia M yêu cầu ông M, bà H trả cho ông H số tiền 100.000.000 (Một trăm

triệu) đồng, đây là tài sản chung của ông bà, tuy nhiên bà không yêu cầu Tòa án xác định và giải quyết tài sản chung của ông bà trong vụ án này.

Tại lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan – bà Nguyễn Thị H trình bày:

Bà là vợ ông Nguyễn Gia M, vào khoảng tháng 9/2019 (âm lịch) gia đình bà có thuê ông Nguyễn Hưng H xây dựng công trình nhà ở của ông bà tại số 851A Ngã Cầu, An Khánh, Hoài Đức, Hà Nội. Khi xây dựng hai bên chỉ thỏa thuận miệng với nhau, không lập hợp đồng, khi thi công cũng không có bản vẽ. Đến khoảng tháng 6/2020 thì ông H hoàn thiện công trình và bàn giao cho gia đình ông bà quản lý sử dụng. Về số tiền xây dựng thì ông bà đã thanh toán được một phần, còn lại một phần chưa thanh toán, là vì hai bên chưa thống nhất được chất lượng công trình, vợ chồng bà có yêu cầu ông H đến khắc phục nhưng ông H không thực hiện. Đối với “Biên bản thỏa thuận” ngày 30/10/2020 giữa ông H và ông M thì bà có biết. Tuy nhiên cho đến nay ông H vẫn chưa khắc phục những sai sót khi xây dựng nhà cho ông bà. Mặt khác, gia đình ông H còn đưa tin, nói xấu vợ chồng ông bà trên mạng xã hội facebook nên ông bà không đồng ý trả tiền cho ông H.

Tại phiên tòa:

- Đại diện nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu ông M, bà H trả cho ông số tiền 100.000.000 đồng theo Biên bản thỏa thuận ngày 30/10/2020, ông không yêu cầu giải quyết về số tiền lãi của số tiền trên. Ông và bà Lê Thị H chung sống với nhau từ năm 1989 không có đăng ký kết hôn, đến ngày 13/5/2022 mới làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã An Thượng, ông xác định số tiền này là lao động có thu nhập để duy trì cuộc sống chung của gia đình nên đây là tài sản chung của ông và bà H, tuy nhiên ông không yêu cầu xác định và giải quyết vấn đề tài sản chung của ông và bà H.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn – ông Nguyễn Thanh Đ đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoài Đức phát biểu ý kiến: Về tố tụng, quá trình giải quyết vụ án: Tòa án đã tiến hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc thụ lý vụ án, xác định đúng thẩm quyền, thực hiện đúng quy định của pháp luật về thủ tục tiến hành công khai chứng cứ và hoà giải, đảm bảo đúng các thủ tục tố tụng khác. Việc cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng và việc chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát đầy đủ, đúng quy định. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa: Hội đồng xét xử đã thực hiện và xét xử theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về tư cách tham gia tố tụng, HĐXX xác định bà Nguyễn Thị H là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là không đúng

quy định pháp luật, cần phải xác định bà Hiền là bị đơn trong vụ án. Về yêu cầu xem xét thẩm định tại chỗ của bị đơn, Tòa án đã có thông báo về việc làm đơn yêu cầu phản tố, yêu cầu độc lập nhưng ông M, bà H không thực hiện, do vậy không có cơ sở xem xét. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bị đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

1.1. Về quan hệ pháp luật: Ông Nguyễn Hưng H và ông Nguyễn Gia M đã xác lập hợp đồng dân sự thông qua thỏa thuận bằng lời nói về việc xây dựng, thi công công trình nhà ở nên xác định đây là tranh chấp hợp đồng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

1.2. Về thẩm quyền giải quyết: Tại thời điểm nộp đơn khởi kiện thể hiện bị đơn cư trú tại Thôn Ngải Cầu, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, Hà Nội. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hoài Đức là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

1.3. Về xác định tư cách đương sự trong vụ án:

Tại đơn khởi kiện, nguyên đơn khởi kiện ông Nguyễn Gia M nên Hội đồng xét xử xác định ông Nguyễn Gia M là bị đơn trong vụ án là phù hợp với khoản 3 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Tại yêu cầu khởi kiện, nguyên đơn yêu cầu vợ chồng ông Nguyễn Gia M và bà Nguyễn Thị H thanh toán trả ông số tiền 100.000.000 đồng tiền công xây dựng. Bà Lê Thị H là xác định đây là tài sản chung của bà và ông H nên Hội đồng xét xử xác định bà Nguyễn Thị H, bà Lê Thị H là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án là phù hợp với khoản 4 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

1.4. Về việc vắng mặt của bị đơn – ông Nguyễn Gia M và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – bà Nguyễn Thị H, bà Lê Thị H:

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa cho ông Nguyễn Gia M và bà Nguyễn Thị H theo quy định pháp luật nhưng ông M, bà H vẫn vắng mặt lần hai không có lý do chính đáng, vì vậy Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông M, bà H là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Bà Lê Thị H có đơn đề nghị được vắng mặt tại phiên tòa xét xử vụ án, vì vậy Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà H là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

1.5. Về đề nghị xem xét thẩm định tài sản của ông Nguyễn Gia M và bà Nguyễn Thị H:

Tại Đơn đề nghị ngày 16/12/2021 và lời khai trong quá trình giải quyết, ông Nguyễn Gia M, bà Nguyễn Thị H đề nghị Tòa án xem xét thẩm định toàn bộ công trình nhà ông và buộc ông H phải khắc phục, sửa chữa toàn bộ những sai sót. Tòa án đã ra Thông báo về việc giao nộp tài liệu, chứng cứ ngày 09/3/2022, yêu cầu ông Nguyễn Gia M và bà Nguyễn Thị H làm đơn yêu cầu phản tố, yêu cầu độc lập theo quy định Điều 202 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và giao nộp các tài liệu chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo trên nhưng ông M, bà H không nộp đơn yêu cầu phản tố, yêu cầu độc lập và không giao nộp các tài liệu, chứng cứ nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét.

[2] Về nội dung vụ án:

2.1. Tháng 9/2019 ông M, bà H thuê ông H xây dựng nhà ở tại địa chỉ số nhà 851A, thôn Ngãi Cầu, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội cho ông M, bà H, hai bên thỏa thuận tổng giá trị thi công toàn bộ công trình là 508.000.000đ (Năm trăm linh tám triệu đồng). Việc thỏa thuận thi công xây dựng hai bên chỉ thỏa thuận bằng lời nói, không lập văn bản hay hợp đồng, không có hồ sơ kỹ thuật và không có bản vẽ thiết kế nhà, khi thi công chỉ thực hiện theo mô tả bằng lời nói với nhau. Quá trình thực hiện thỏa thuận, khoảng tháng 6/2020 ông H đã hoàn thiện công trình và bàn giao cho ông M, bà H sử dụng. Ông M cũng đã thanh toán cho ông H số tiền là 344.000.000đ (Ba trăm bốn mươi bốn triệu đồng). Số tiền ông M chưa thanh toán cho ông H là 164.000.000đ (Một trăm sáu mươi tư triệu đồng). Khi bàn giao nhà hai bên không lập biên bản bàn giao hay nghiệm thu gì với nhau.

Do không thống nhất được về chất lượng công trình và nghĩa vụ thanh toán nên ông H và ông M đã lập “Biên bản thỏa thuận” ngày 30/10/2020, nội dung: xác nhận việc xây dựng nhà ở tại số 851A xã An Khánh, huyện Hoài Đức, Hà Nội, tổng giá trị thi công là 508.000.000 đồng, số tiền ông M đã thanh toán là 344.000.000 đồng và số tiền còn phải thanh toán là 164.000.000 đồng, thống nhất ông M chỉ phải thanh toán số tiền còn thiếu cho ông H là 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng), số tiền còn lại 64.000.000đ (Sáu mươi tư triệu đồng) ông H để lại để phía gia đình ông M tự thực hiện việc sửa chữa khắc phục một số lỗi kỹ thuật trong khi xây dựng thi công nhà. Thời gian thanh toán số tiền trên chậm nhất là ngày 01/3/2021. Trong thời gian từ nay đến 01/3/2021 bất cứ khi nào có khả năng thanh toán thì ông M sẽ trả tiền cho ông H.

Ông H, ông M cùng thừa nhận toàn bộ nội dung trong biên bản thỏa thuận là đúng, chữ ký và chữ viết Nguyễn Hưng H, Nguyễn Gia M dưới mục “BÊN A” “BÊN B” là đúng chữ ký của hai ông. Tuy nhiên đến ngày 01/3/2021 ông M không thanh toán cho ông H số tiền như đã thỏa thuận, do vậy, ông H đã khởi kiện ông M, yêu cầu ông M, bà H phải thanh toán cho ông số tiền 100.000.000 đồng theo Biên bản thỏa thuận ngày 30/10/2020. Tại lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Hưng H,

ông Nguyễn Gia M và bà Nguyễn Thị H thống nhất xác nhận toàn bộ nội dung trên.

Xét, tháng 9/2019 ông M và ông H tự nguyện thỏa thuận giao kết hợp đồng dân sự với nội dung công việc là thi công xây dựng nhà ở, giá trị thi công xây dựng là 508.000.000 đồng, các bên giao kết với nhau bằng lời nói, do vậy, căn cứ Điều 385, 398, khoản 3 Điều 400, 401 Bộ luật Dân sự năm 2015, hợp đồng giao kết bằng lời nói của hai bên là có hiệu lực.

2.2. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông M đã thanh toán cho ông H số tiền 344.000.000 đồng. Đến tháng 6/2020 ông H đã hoàn thiện công trình và bàn giao cho ông M sử dụng, số tiền công xây dựng ông M chưa thanh toán cho ông H là 164.000.000 đồng. Do giữa hai bên không thống nhất về chất lượng công trình và điều khoản thanh toán nên hai bên thống nhất ký Biên bản thỏa thuận ngày 30/10/2020. Tại Biên bản, ông H và ông M thống nhất thỏa thuận, do công trình có một số lỗi kỹ thuật nên ông H đồng ý tự nguyện để lại cho ông M số tiền 64.000.000 đồng để thực hiện việc sửa chữa theo ý của ông M, số tiền còn lại ông M phải thanh toán cho ông H là 100.000.000 đồng, thời hạn thanh toán là từ ngày ký thỏa thuận này đến ngày 01/3/2021.

Toàn bộ nội dung thỏa thuận tại Biên bản thỏa thuận trên do hai bên đã tự nguyện thống nhất với nhau, không ai bị lừa dối, ép buộc, nội dung thỏa thuận không trái pháp luật, các bên xác nhận đúng chữ ký của mình. Do vậy, Biên bản thỏa thuận ngày 30/10/2020 có giá trị thi hành đối với các bên.

2.3. Ông M, bà H cho rằng công trình nhà của ông bị rạn nứt trần nhà, cầu thang méo, nhà bị méo. Ông có yêu cầu ông H đến để kiểm tra, khắc phục, sau khi khắc phục xong thì ông sẽ thanh toán số tiền trên cho ông H. Ông H có hứa miệng với ông là sẽ đến để khắc phục toàn bộ lỗi trên nhưng đến nay ông H cũng không thực hiện. Do gia đình ông H đăng tin bài trên mạng facebook nói xấu gia đình ông về việc ông không trả tiền, điều này đã làm ảnh hưởng đến danh dự và uy tín của gia đình ông.

Xét, về lỗi kỹ thuật của công trình, ông H và ông M đã thống nhất ông H đồng ý không yêu cầu thanh toán số tiền 64.000.000 đồng, mục đích là để ông M tự khắc phục sửa chữa lỗi kỹ thuật trên. Ông M cũng chấp nhận nội dung thỏa thuận này nên việc ông M cho rằng lý do ông không thanh toán số tiền còn lại cho ông H là vì lỗi kỹ thuật là không phù hợp nên không có cơ sở chấp nhận.

Ông M cho rằng gia đình ông H đăng tin bài trên mạng facebook nói xấu gia đình ông về việc ông không trả tiền, điều này đã làm ảnh hưởng đến danh dự và uy tín của gia đình ông nhưng ông không có tài liệu gì chứng minh điều này nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét. Ông có quyền khởi kiện vụ án dân sự về việc bồi thường thiệt hại về danh dự, uy tín theo quy định pháp luật.

2.4. Ông H, bà H chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1994 không đăng

ký kết hôn, đến ngày 13/5/2022 ông bà thực hiện việc đăng ký kết hôn tại UBND xã An Thượng. Ông H, bà H cùng xác nhận đây là lao động để duy trì cuộc sống chung của gia đình, tuy nhiên, ông và bà H không yêu cầu Tòa án xác định và giải quyết vấn đề tài sản chung của ông bà nên Hội đồng xét xử không xét.

2.5. Tại Biên bản thỏa thuận trên, các bên thống nhất thời hạn thực hiện nghĩa vụ thanh toán là đến ngày 01/3/2021 nhưng hết thời hạn trên ông M vẫn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho ông H. Việc xây dựng nhà ở là để đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình, vì vậy, đây là nghĩa vụ chung của ông M, bà H đối với ông H là phù hợp với Điều 37 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

Do đó, ông H yêu cầu ông M, bà H thanh toán cho ông H số tiền 100.000.000 đồng là phù hợp với Điều 278, 280 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên chấp nhận.

2.6. Về lãi của số tiền trên, ông H không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

Bác các yêu cầu khác của các đương sự.

[3] Về án phí và quyền kháng cáo:

Ông Nguyễn Gia M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hưng H được Tòa án chấp nhận.

Ông Nguyễn Hưng H được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Các bên đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 3, 4 Điều 68; khoản 3 Điều 26; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 266; Điều 271; Điều 273; Điều 278; Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 278, 280, 385, 398, khoản 3 Điều 400, 401 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội và điểm b khoản 1 Mục II Phần A Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hưng H đối với ông Nguyễn Gia M.

2. Buộc ông Nguyễn Gia M, bà Nguyễn Thị H thanh toán trả ông Nguyễn Hưng H số tiền gốc 100.000.000 (Một trăm triệu) đồng theo Biên bản thỏa thuận ngày 30/10/2020 đã ký giữa ông Nguyễn Hưng H và ông Nguyễn Gia M.

3. Về lãi của số tiền trên, ông Nguyễn Hưng H không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải tiếp tục trả khoản tiền lãi của số tiền phải thanh toán kể từ sau ngày tuyên án sơ thẩm theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án cho đến khi thanh toán xong toàn bộ số tiền trên.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận về việc thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bác các yêu cầu khác của các bên đương sự.

4. Về án phí và quyền kháng cáo.

Ông Nguyễn Gia M phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 5.000.000 (Năm triệu) đồng.

Ông Nguyễn Hưng H được nhận lại số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 2.500.000 (Hai triệu năm trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền số AA/2020/0015345 ngày 22/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoài Đức, Hà Nội.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt ông Nguyễn Hưng H, vắng mặt ông Nguyễn Gia M, bà Nguyễn Thị H, bà Lê Thị H. Ông H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông M, bà H, bà H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSNDH.Hoài Đức;
- TAND TP.Hà Nội;
- VKSND TP.Hà Nội;
- Chi cục THADS H.Hoài Đức;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Lan Anh